TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 233 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Bạn
2. Ông Mai Văn Anh

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đình Q *(có mặt*).

Địa chỉ: Khu X, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim N *(có mặt*).

Địa chỉ: Khu Y, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Đình Q trình bày:

1. Về hôn nhân:

Anh Phạm Đình Q và chị Nguyễn Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Anh và chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường cãi vả nhau và hai vợ chồng sống ly thân đã từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay.

Nay anh Q thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, anh Q làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Tại bản tự khai của chị N(bị đơn) ngày 17/5/2018 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 02 tháng 05 năm 2018, chị N khai vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì xảy xa mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đồng ý ly hôn với anh Q.

2. Về con chung:

Anh Q khai vợ chồng có một con chung là Phạm Thành Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2016.

Nay ly hôn anh Q có nguyện vọng giao con cho chị N nuôi và anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 36 tháng tuổi.

Chị N công nhận vợ chồng có một con chung như anh Q khai và chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng mỗi cháu Đ mỗi tháng hai triệu đồng.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4. Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Đình Q và chị Nguyễn Thị Kim N thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét tình trạng hôn nhân của anh Q và chị N thì thấy: Sau ngày cưới vợ chồng sống đến tháng 7 năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Mặc dù Toà án đã kiên trì hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng tại hồ sơ và tại phiên Tòa sơ thẩm anh Q và chị N thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị N là phù hợp với thực tế và đúng với quy định pháp luật

2. Về con chung: HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của anh Q và chị N là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy anh Q hiện nay không có nghề nghiệp ổn định. Tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, chị N cũng không chứng minh được thu nhập thực tế hằng tháng của anh Q là bao nhiêu. Do vậy, HĐXX nghĩ nên buộc anh Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thành Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng và thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi án có hiệu lực

pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Q và chị N cùng khai không có nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Đình Q đối với chị Nguyễn Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Đình Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thành Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thành Đ mỗi tháng 1.500.000 *(một triệu năm trăm ngàn*) đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung: Khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vá mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày Chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Q không trả số tiền trên thì hàng tháng anh Q còn phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS.

3. Về tài sản chung: Tự giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đình Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0011060 ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh Q còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh quảng nam xét xử phức thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Ph□ợng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đại Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương